

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/DS-ST
Ngày: 22-3-2024
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Loan Em

Ông Huỳnh Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thư - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 3 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2023/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: A, đường số A, khu dân cư N, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh B, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: 1 N, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. Theo giấy ủy quyền ngày 23/10/2023.

- Bị đơn: 1. Bà Trần Thị Sô N (vắng mặt).

2. Ông Dương Vĩnh L (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/11/2023 của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thanh B trình bày:

Trước đây, ngày 22/6/2021 ông Nguyễn Quốc T có đơn tố cáo ông Trần Phước N1 về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T. Trong quá trình giải quyết tin báo, cơ quan Công an cho rằng đây là vụ việc dân

sự, không có dấu hiệu tội phạm hình sự. Đến ngày 19/01/2022 tại trụ sở Công an xã T, huyện T, cán bộ điều tra yêu cầu Công an xã T lập biên bản tự thoả thuận của các bên đương sự, theo đó những người tham gia buổi làm việc đều cam kết trả nợ cho ông T, nhưng phía bà Trần Thị Sô N vẫn chưa trả nợ tiền đặt cọc mua lúa như đã cam kết.

Ngày 12/12/2022 nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T có khởi kiện bị đơn ông Dương Vĩnh L và bà Trần Thị Sô N về việc yêu cầu Toà án nhân dân huyện Thanh Trì giải quyết buộc ông L, bà N trả tiền cọc mua lúa số tiền 28.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 21/6/2023 bị đơn ông L, bà N thoả thuận trả tiền mặt cho ông T số tiền 15.000.000 đồng, số tiền còn lại ông T đồng ý cho vợ chồng ông L, bà N và không yêu cầu trả lãi nữa, vợ chồng ông L, bà N làm cam kết trả nợ trong thời hạn 01 tháng từ ngày 21/6/2023 đến ngày 21/7/2023. Đến thời hạn cam kết nêu trên, nguyên đơn liên hệ ông L, bà N nhiều lần nhưng phía bị đơn không thực hiện theo cam kết trả nợ.

Nay nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn ông Dương Vĩnh L và bà Trần Thị Sô N trả số tiền cọc mua lúa còn nợ 28.000.000 đồng và tiền lãi mức lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 21/7/2023 đến khi Toà án xét xử.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 20/02/2024, bị đơn ông Dương Vĩnh L có lời trình bày:

Ông với bà Trần Thị Sô N là vợ chồng, ông có nhận được thông báo thụ lý vụ án về việc ông Nguyễn Quốc T khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông trả tiền cọc lúa, ông thừa nhận có nợ của ông T tiền cọc lúa là 28.000.000 đồng, trước đây ông T có khởi kiện và tại Toà án các bên thống nhất thoả thuận vợ chồng ông trả cho ông T số tiền 15.000.000 đồng, ông T rút lại yêu cầu khởi kiện, nhưng sau khi thoả thuận thì vợ chồng ông không có khả năng trả. Nay ông T khởi kiện yêu cầu trả tiền cọc lúa 28.000.000 đồng ông và bà N đồng ý trả nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng và đồng ý chịu lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật. Việc mua bán lúa giữa ông và ông T và việc nợ tiền ông T bà N có biết, tại Công an xã T các bên thoả thuận bà N có tham gia và có ký tên vào biên bản thoả thuận được công an lập, vợ chồng ông thống nhất ý kiến với hình thức trả dần như yêu cầu của ông.

Bị đơn bà Trần Thị Sô N vắng mặt, không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng có mặt đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Dương Vĩnh L, bà Trần Thị Sô N trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 28.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 21/7/2023 đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm, án phí buộc bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật. Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Dương Vĩnh L, bà Trần Thị Sô N. Xét thấy, phiên tòa đã mở lần hai, bị đơn vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu bị đơn ông L, bà N trả tiền cọc mua lúa đã nhận 28.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 21/7/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 0,83%/tháng. Quá trình Tòa án làm việc bị đơn ông L thừa nhận số nợ trên và đồng ý trả theo yêu cầu của nguyên đơn nhưng xin trả dần mỗi tháng trả 5.000.000 đồng đến khi dứt nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh do các đương sự đều thừa nhận. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông L, bà N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T số tiền cọc mua lúa còn nợ 28.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 1.859.200 đồng (28.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 08 tháng). Tổng vốn và lãi bị đơn có nghĩa vụ thanh toán là 29.859.200 đồng.

[3] Về thời gian trả nợ: Bị đơn xin trả dần số tiền còn nợ mỗi tháng trả 5.000.000 đồng đến khi dứt nợ nhưng không được đại diện nguyên đơn đồng ý, các bên không thỏa thuận được thời gian trả nợ. Xét yêu cầu của đương sự thuộc thẩm quyền giai đoạn thi hành án dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

[6] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T. Buộc bị đơn ông Dương Vĩnh L và bà Trần Thị Sô N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Quốc T số tiền còn nợ 29.859.200 đồng (hai mươi chín triệu tám trăm năm mươi chín nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của

số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Dương Vĩnh L và bà Trần Thị Sô N phải nộp án phí số tiền 1.492.960 đồng. Hoàn trả cho ông Nguyễn Quốc T tiền tạm ứng án phí đã nộp 717.500 đồng theo biên lai thu số 0000405 ngày 09/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- CCTHADS huyện Thanh Trì;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp

